



bǐng rán

炳然

adverb · brightly, clearly

Example Sentence

Zhè zuò gǔ tǎ zài xī yáng xià bǐng rán shēng huī
这座古塔在夕阳下炳然生辉。

This ancient pagoda shines brightly under the
setting sun.

Trace each character, then write the word on your own.

炳	炳	炳	炳	炳	炳	炳	炳	炳	炳	炳
炳										

然	然	然	然	然	然	然	然	然	然	然
然	然	然	然							
